TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2025

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hiếu Luân và ông Nguyễn Đăng Bôi.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1972 (Có mặt)

HKTT: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: 179/6N ấp Đ1, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Vương Văn S, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Đặng Thị T trình bày:

Bà T và ông Vương Văn S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 21/3/1991. Sau khi tổ chức đám cưới, bà T về chung sống với ông S tại thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 1993 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông S chơi bời cờ bạc, nợ nần, đã nhiều lần bà T phải trả nợ cho ông S nhưng ông S không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2001, vợ chồng bà vào nam làm ăn nhưng không có tiếng nói chung, đến năm 2015 ông S về quê sinh sống, còn bà T vẫn ở trong Nam, hai bên sống ly thân không còn quan hệ tình cảm, chỉ còn trách nhiệm với các con. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T và ông S có 03 con chung là Vương Mạnh C, sinh ngày 16/01/1992 ; Vương Văn L, sinh ngày 27/9/1993 và Vương Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/12/2008. Cháu C và cháu L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Y từ nhỏ đến nay đều sống cùng bà T. Ly hôn, bà T đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà T làm lao động tự do, bán hàng đồ ăn ở chợ, thu nhập bình quân khoảng 15 triệu đồng/1 tháng và có chỗ ở ổn định tại 179/6N ấp Đ1, xã T, huyện H, TP Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến nay nên có điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Vương Văn S nhưng ông S đều vắng mặt trong các buổi làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm. Ông S vẫn cư trú và sinh sống ổn định tại địa phương.

Qua xác minh, chính quyền địa phương thôn T cho biết: Bà T và ông S kết hôn từ năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND xã L và chung sống tại thôn T, xã L đến năm 2001 thì đi lại vào Nam làm ăn. Đến năm 2015, ông S về địa phương sinh sống, còn bà T vẫn ở trong Nam do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà T xin ly hôn ông S. Vợ

chồng ông S và bà T có 03 con chung là Vương Mạnh C, sinh ngày 16/01/1992 ; Vương Văn L, sinh ngày 27/9/1993 và Vương Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/12/2008. Cháu Y sống cùng bà T ở trong Nam. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng bà T và ông S hiện không có tranh chấp tại địa phương.

Tại phiên toà: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với ông S; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Vương Thị Ngọc Y; không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đã trưởng thành, về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền; Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng Thị T, bà T được ly hôn với ông Vương Văn S. Về con chung: Giao bà Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vương Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/12/2008. Anh Vương Mạnh C, sinh ngày 16/01/1992 và anh Vương Văn L, sinh ngày 27/9/1993 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ,

ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Vương Văn S vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Vương Văn S kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 21/3/1991 tại UBND xã L, huyện T, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của bà T và ông S là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh xét thấy trong quá trình chung sống, bà T và ông S thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Bà T và ông S sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông S đều vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Xét thấy, hôn nhân của bà T và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông S có 03 con chung là Vương Mạnh C, sinh ngày 16/01/1992 ; Vương Văn L, sinh ngày 27/9/1993 và Vương Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/12/2008. Anh C và anh L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Cháu Y hiện đang ở cùng bà T. Ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu ông S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Y cũng có nguyện vọng và có thời gian sinh sống liên tục cùng bà T, việc sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định nên tiếp tục giao cháu Y cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Bà T không yêu cầu ông S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho ông Song đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị T. Bà Đặng Thị T được ly hôn ông Vương Văn S.

2. Về con chung: Bà T và ông S có 03 con chung là Vương Mạnh C, sinh ngày 16/01/1992 ; Vương Văn L, sinh ngày 27/9/1993 và Vương Thị Ngọc Y, sinh ngày 06/12/2008. Anh C và anh L đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Giao bà Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vương Thị Ngọc Y đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi

ly hôn cho ông S đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Ông S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016656 ngày 26/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
-TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
-Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Đoàn Lan Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hiếu Luân **Nguyễn Đăng Bôi** **Đoàn Lan Hương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Lan Hương